

# DANH SÁCH CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐIỀU CHỈNH CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC (Đợt 8)

(Ban hành kèm Quyết định số 218 /QĐ-SYT ngày 22 tháng 02 năm 2021)



| STT | Mã HS | Họ và tên     | Chứng minh nhân dân |    |          | Nơi cấp | Năm sinh |    | Hộ khẩu thường trú | Văn bằng chuyên môn |         |         | Phạm vi HĐCM đề nghị cấp | Số CCH ND | Ghi chú |
|-----|-------|---------------|---------------------|----|----------|---------|----------|----|--------------------|---------------------|---------|---------|--------------------------|-----------|---------|
|     |       | Họ và tên đệm | Tên                 | Số | Ngày cấp |         | Nam      | Nữ |                    | Trình độ chuyên môn | Năm cấp | Nơi cấp |                          |           |         |

1. Hồ sơ đủ điều kiện ( 63 HS)

a. Cấp mới ( 57 HS)

|   |                                       |            |       |           |            |                    |            |            |                                                                       |                   |      |                           |                                                                  |      |         |
|---|---------------------------------------|------------|-------|-----------|------------|--------------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------|------|---------------------------|------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 1 | 000.00.1<br>2.H19-<br>210209-<br>0002 | Nguyễn Thị | Gám   | 250798477 | 12/01/2007 | Công an Lâm Đồng   |            | 20/03/1984 | khu phố 4, phường Xuân Hoà, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai       | Dược sĩ cao đẳng  | 2018 | Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền | 4964 | cấp mới |
| 2 | 000.00.1<br>2.H19-<br>210209-<br>0003 | Trần Thị   | Nhung | 272773639 | 14/03/2016 | Công an Đồng Nai   |            | 08/03/1993 | 112/A2 Ấp Đức Long, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai     | Dược sĩ cao đẳng  | 2014 | Đại học Y khoa Vinh       | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền | 4965 | Cấp mới |
| 3 | 000.00.1<br>2.H19-<br>210208-<br>0003 | Nguyễn Thị | Hoài  | 194529534 | 12/06/2010 | Công an Quảng Bình |            | 09/08/1994 | Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình                      | Dược sĩ Đại học   | 2018 | Đại học Lạc Hồng          | Nhà thuốc                                                        | 4966 | cấp mới |
| 4 | 000.00.1<br>2.H19-<br>210208-<br>0005 | Võ Thị Mỹ  | Liên  | 271810208 | 01/08/2013 | Công an Đồng Nai   |            | 03/04/1987 | Tổ 7 Ấp 3, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai                    | Dược sĩ trung cấp | 2009 | Trường CĐ Y tế Đồng Nai   | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền | 4967 | Cấp mới |
| 5 | 000.00.1<br>2.H19-<br>210208-<br>0007 | Đỗ Đại     | Nha   | 272477688 | 10/06/2011 | Công an Đồng Nai   | 21/12/1994 |            | 72 Phan Trung KP7, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | Dược sĩ Đại học   | 2018 | Trường ĐH Võ Trường Toản  | Nhà thuốc                                                        | 4968 | Cấp mới |

| STT | Mã HS                                 | Họ và tên      | Chứng minh nhân dân |           |            | Nơi cấp            | Năm sinh   |            | Hộ khẩu thường trú                                                       | Văn bằng chuyên môn         |         |                               | Phạm vi HĐCM đề nghị cấp                                                               | Số CCH ND | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|----------------|---------------------|-----------|------------|--------------------|------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
|     |                                       | Họ và tên đệm  | Tên                 | Số        | Ngày cấp   |                    | Nam        | Nữ         |                                                                          | Trình độ chuyên môn         | Năm cấp | Nơi cấp                       |                                                                                        |           |         |
| 6   | 000.00.1<br>2.H19-<br>210208-<br>0008 | Nguyễn Cao Sỹ  | Tâm                 | 272696725 | 15/08/2014 | Công an Đồng Nai   |            | 06/03/1997 | Tổ 6, khu phố 8, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai         | Danh hiệu cử nhân thực hành | 2019    | Trường CĐ nY tế Đồng nai      | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền            | 4969      | Cấp mới |
| 7   | 000.00.1<br>2.H19-<br>210208-<br>0012 | Vũ Phương      | Anh                 | 272084423 | 04/01/2014 | Công an Đồng Nai   |            | 15/10/1991 | 317 Tổ 5, khu 12, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai           | Dược sĩ Đại học             | 2018    | Trường ĐH Công Nghệ Miền Đông | Nhà thuốc                                                                              | 4970      | Cấp mới |
| 8   | 000.00.1<br>2.H19-<br>210208-<br>0015 | Tạ Nguyễn Thảo | Hương               | 272270311 | 13/04/2011 | Công an Đồng Nai   |            | 15/10/1992 | 189/124B, khu phố 2 phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | Dược sĩ Đại học             | 2018    | Trường ĐH Lạc Hồng            | Nhà thuốc                                                                              | 4971      | Cấp mới |
| 9   | 000.00.1<br>2.H19-<br>210208-<br>0020 | Bùi Thị Tuyết  | Sương               | 212737271 | 22/03/2006 | Công an Quảng Ngãi |            | 18/09/1989 | xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi                              | Dược sĩ Đại học             | 2019    | Trường ĐH Công Nghệ Miền Đông | Nhà thuốc; quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền | 4972      | Cấp mới |
| 10  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210208-<br>0021 | Lê Thị Thu     | Hà                  | 272530254 | 16/02/2012 | Công an Đồng Nai   |            | 08/03/1995 | Tổ 11, Long Đức 3, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai   | Dược sĩ Đại học             | 2018    | Trường ĐH lạc Hồng            | Nhà thuốc; Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền | 4973      | Cấp mới |
| 11  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210208-<br>0022 | Lê Ninh        | Trường              | 250960329 | 27/12/2016 | Công an Lâm Đồng   | 30/11/1995 |            | Thôn Đại Nga, xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng               | Dược sĩ Đại học             | 2018    | Đại học Nguyễn Tất Thành      | Nhà thuốc                                                                              | 4974      | Cấp mới |

| STT | Mã HS                                 | Họ và tên        | Chứng minh nhân dân |           |            | Nơi cấp          | Năm sinh   |            | Hộ khẩu thường trú                                                    | Văn bằng chuyên môn         |         |                                  | Phạm vi HĐCM đề nghị cấp                                                    | Số CCH ND | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|------------------|---------------------|-----------|------------|------------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
|     |                                       | Họ và tên đệm    | Tên                 | Số        | Ngày cấp   |                  | Nam        | Nữ         |                                                                       | Trình độ chuyên môn         | Năm cấp | Nơi cấp                          |                                                                             |           |         |
| 12  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210205-<br>0018 | Triệu Bích       | Kim                 | 245250701 | 04/09/2019 | Công an Đăk Nông |            | 16/04/1994 | Thôn Nam Thanh, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông            | Dược sĩ Đại học             | 2018    | Trường ĐH Y dược - ĐH Huế        | Nhà thuốc                                                                   | 4975      | Cấp mới |
| 13  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210204-<br>0003 | HOÀNG QUỐC       | VIỆT                | 241518495 | 07/08/2012 | Công an Đăk Lăk  | 05/05/1995 |            | ấp 2, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai                     | Dược sĩ trung cấp           | 2017    | Trường Trung cấp Đại Việt TP HCM | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền | 4976      | Cấp mới |
| 14  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210204-<br>0009 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | GIANG               | 230897037 | 07/06/2012 | Công an Gia Lai  |            | 04/01/1994 | thị trấn KBang, huyện KBang, tỉnh Gia Lai                             | Dược sĩ Đại học             | 2017    | Trường ĐH Duy Tân                | Nhà thuốc                                                                   | 4977      | Cấp mới |
| 15  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210218-<br>0008 | Huỳnh Thị Kim    | Tiến                | 351930829 | 08/09/2020 | Công an An Giang |            | 05/10/1989 | Xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang,                          | Dược sĩ cao đẳng            | 2018    | Cao đẳng y tế Bình Dương         | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền | 4978      | Cấp mới |
| 16  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210204-<br>0016 | PHAN THỊ         | CHUNG               | 272797684 | 05/04/2016 | Công an Đồng Nai |            | 02/02/1992 | 26/63C, khu phố 8, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | Danh hiệu cử nhân thực hành | 2019    | Trường CD Y Dược Pasteur         | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền | 4979      | Cấp mới |
| 17  | 00002-<br>00009-<br>21-<br>00001      | Lâm Thị          | Tuyển               | 272022407 | 08/01/2021 | CA Đồng Nai      |            | 25/10/1992 | Ấp Bến Sắn, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai           | Dược sĩ trung cấp           | 2018    | Cao đẳng y tế Đồng Nai           | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền            | 4980      | Cấp mới |

| STT | Mã HS                                 | Họ và tên       | Chứng minh nhân dân |           |            | Nơi cấp          | Năm sinh   |            | Hộ khẩu thường trú                                                                                | Văn bằng chuyên môn |         |                               | Phạm vi HĐCM đề nghị cấp                                                    | Số CCH ND | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|-----------------|---------------------|-----------|------------|------------------|------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
|     |                                       | Họ và tên đệm   | Tên                 | Số        | Ngày cấp   |                  | Nam        | Nữ         |                                                                                                   | Trình độ chuyên môn | Năm cấp | Nơi cấp                       |                                                                             |           |         |
| 18  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210203-<br>0001 | Lê Quang        | Định                | 291020352 | 03/07/2009 | Công an Tây Ninh | 09/12/1992 |            | Tổ 53, ấp Long Tân, xã Long Giang, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh,                                  | Được sĩ Đại học     | 2016    | Trường Đại học Y dược TP. HCM | Nhà thuốc                                                                   | 4981      | Cấp mới |
| 19  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210203-<br>0003 | Phan Thị        | Thanh               | 233172649 | 01/02/2016 | Công an Kon Tum  |            | 24/10/1994 | Xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị                                                    | Được sĩ cao đẳng    | 2016    | Trường Cao Đẳng Y tế Phú Thọ  | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền | 4982      | Cấp mới |
| 20  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210203-<br>0004 | Trương Thị Ngọc | Hà                  | 272157491 | 18/04/2017 | Công an Đồng Nai |            | 02/06/1991 | Tổ 1, ấp 5, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai                                           | Được sĩ trung cấp   | 2017    | Trường Trung Cấp Miền Đông    | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền | 4983      | Cấp mới |
| 21  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210203-<br>0005 | Hà Duy          | Minh                | 182427376 | 31/03/2014 | Công an Nghệ An  | 01/11/1979 |            | Xã Minh Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An                                                       | Được sĩ trung cấp   | 2016    | Cao đẳng Y tế Bình Dương      | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc được liệu, thuốc cổ truyền            | 4984      | cấp mới |
| 22  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210203-<br>0009 | Mai Thị Giang   | Thanh               | 272267054 | 01/09/2011 | Công an Đồng Nai |            | 08/07/1993 | 966 Phạm Văn Thuận (số cũ: 87/432), Khu Phố 1), phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | Được sĩ Đại học     | 2018    | Đại học công nghệ Miền Đông   | Nhà thuốc                                                                   | 4985      | cấp mới |
| 23  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210203-<br>0013 | Vũ Thị Thùy     | Trang               | 272385093 | 15/06/2012 | Công an Đồng Nai |            | 21/03/1995 | Ấp Xuân Thiện, xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai                                     | Được sĩ cao đẳng    | 2018    | Cao đẳng Y tế Đồng Nai        | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc được liệu, thuốc cổ truyền            | 4986      | cấp mới |

| STT | Mã HS                                 | Họ và tên       | Chứng minh nhân dân |             |            | Nơi cấp                                        | Năm sinh |            | Hộ khẩu thường trú                                                              | Văn bằng chuyên môn |         |                                     | Phạm vi HĐCM đề nghị cấp                                                    | Số CCH ND | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|-----------------|---------------------|-------------|------------|------------------------------------------------|----------|------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
|     |                                       | Họ và tên đệm   | Tên                 | Số          | Ngày cấp   |                                                | Nam      | Nữ         |                                                                                 | Trình độ chuyên môn | Năm cấp | Nơi cấp                             |                                                                             |           |         |
| 24  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210203-<br>0018 | Nguyễn Thị      | Thơm                | 90768135    | 30/04/2019 | Công an Thái Nguyên                            |          | 20/12/1979 | xã Vạn Phái, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên                                   | Được sĩ trung cấp   | 2010    | Cao đẳng y tế đồng Nai              | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền | 4987      | cấp mới |
| 25  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210202-<br>0002 | Nguyễn Thị Thu  | Uyên                | 241700935   | 04/03/2014 | Công an Đắk Lắk                                |          | 14/10/1997 | 56/20 khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương | Được sĩ trung cấp   | 2017    | Cao đẳng Y tế Bình Dương            | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc được liệu, thuốc cổ truyền            | 4988      | cấp mới |
| 26  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210202-<br>0013 | Lương Thị       | Nhàn                | 281280028   | 25/10/2016 | Công an Bình Dương                             |          | 26/12/1991 | 149A, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương                     | Được sĩ trung cấp   | 2012    | Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Bình Dương | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc được liệu, thuốc cổ truyền            | 4989      | cấp mới |
| 27  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210202-<br>0014 | Đỗ Thị Tú       | Quyên               | 285487239   | 27/07/2020 | Công an Bình Phước                             |          | 27/03/1996 | phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước                             | Được sĩ cao đẳng    | 2017    | Cao đẳng Miền Nam                   | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc được liệu, thuốc cổ truyền            | 4990      | cấp mới |
| 28  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210202-<br>0016 | Nguyễn Thị Hồng | Châu                | 72180002785 | 20/12/2017 | Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu |          | 10/04/1980 | Ấp Phước Thuận, xã Phước Chi, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh                  | Được sĩ trung cấp   | 2012    | Trường Trung cấp Phương Nam         | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc được liệu, thuốc cổ truyền            | 4991      | Cấp mới |
| 29  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210202-<br>0017 | Lê Thị Mỹ       | Duyên               | 215239576   | 15/05/2013 | Công an Bình Định                              |          | 07/09/1993 | xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định                                      | Được sĩ trung cấp   | 2018    | Trường Trung cấp Phương Nam         | Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền | 4992      | Cấp mới |

| STT | Mã HS                                 | Họ và tên     | Chứng minh nhân dân |           |            | Nơi cấp              | Năm sinh   |            | Hộ khẩu thường trú                                                              | Văn bằng chuyên môn  |         |                                       | Phạm vi HĐCM đề nghị cấp                                                                | Số CCH ND | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|---------------|---------------------|-----------|------------|----------------------|------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
|     |                                       | Họ và tên đệm | Tên                 | Số        | Ngày cấp   |                      | Nam        | Nữ         |                                                                                 | Trình độ chuyên môn  | Năm cấp | Nơi cấp                               |                                                                                         |           |         |
| 30  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210202-<br>0018 | Đỗ Thị<br>Nhu | Kiều                | 215211801 | 27/04/2009 | Công an<br>Bình Định |            | 12/03/1993 | Khu phố 9, xã<br>Nhơn Thọ, thị xã<br>An Nhơn, tỉnh Bình<br>Định                 | Dược sĩ<br>cao đẳng  | 2014    | Trường Cao<br>đẳng Y tế<br>Bình Dương | Quầy thuốc; Cơ<br>sở chuyên bán lẻ<br>dược liệu, thuốc<br>dược liệu, thuốc<br>cổ truyền | 4993      | Cấp mới |
| 31  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210202-<br>0023 | An Thanh      | Hải                 | 272400866 | 31/05/2010 | Công an<br>Đồng Nai  | 15/07/1995 |            | Ấp 1, xã Xuân Quế,<br>huyện Cẩm Mỹ,<br>tỉnh Đồng Nai                            | Dược sĩ<br>cao đẳng  | 2017    | Trường Cao<br>Đẳng Y tế<br>Đồng Nai   | Quầy thuốc                                                                              | 4994      | Cấp mới |
| 32  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210203-<br>0017 | Tổng Anh      | Dũng                | 272477337 | 04/09/2018 | Công an<br>Đồng Nai  | 25/04/1994 |            | 5A, khu phố 6,<br>phường Trung<br>Dũng, thành phố<br>Biên Hòa, tỉnh<br>Đồng Nai | Dược sĩ<br>Đại học   | 2018    | Đại học<br>Nguyễn Tất<br>Thành        | Nhà thuốc                                                                               | 4995      | Cấp mới |
| 33  | 000.00.1<br>2.H19-<br>210218-<br>0007 | Nguyễn Thị    | Quế                 | 183063179 | 02/08/2019 | Công an<br>Hà Tĩnh   |            | 12/09/1977 | Thị trấn Xuân An,<br>Nghị Xuân, Hà<br>Tĩnh,                                     | Dược sĩ<br>trung cấp | 2015    | Trung cấp<br>đại việt<br>TPHCM        | Quầy thuốc; Cơ<br>sở chuyên bán lẻ<br>thuốc dược liệu,<br>thuốc cổ truyền               | 4996      | Cấp mới |

Tổng cộng: 33 Hồ Sơ (12 DSDH, 8 DSCĐ, 11 DSTH, 02 DHCNTH)





